

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng Tiếng Anh thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng (mã số 7340201).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

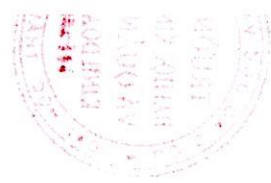
Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Đinh Hồng Linh



44

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 418/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	TÀI CHÍNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	FINANCE TEACHING AND LEARNING IN ENGLISH
3	Trình độ đào tạo	Cử nhân
4	Ngành đào tạo	Tài chính Ngân hàng
5	Mã ngành	7340201
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	129 tín chỉ
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Ngân hàng - Tài chính
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Anh
11	Website	http://nh-tc.tueba.edu.vn/
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng Tiếng Anh: Bachelor of Finance - Banking
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: * Nhóm 1: Chuyên viên - Chuyên viên tín dụng, chuyên viên đầu tư, chuyên viên quản lý rủi ro, chuyên viên dịch vụ khách hàng, chuyên viên thẩm định tín dụng, kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc

TT	Tiêu đề	Nội dung
		<p>tế... tại các định chế tài chính trong và ngoài nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên kinh doanh, môi giới, đầu tư, phân tích đầu tư, phân tích tài chính... tại các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, quỹ bảo hiểm, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác. - Chuyên viên tài chính, phân tích tài chính, quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; chuyên viên tài chính tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính – sự nghiệp. - Triển vọng trong tương lai, người học có thể trở thành Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc tài chính. <p>* Nhóm 2: Nhà đầu tư và Chủ doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư tài chính - Nhà phân tích đầu tư tài chính - Chủ doanh nghiệp, start-up <p>* Nhóm 3: Giảng viên và nghiên cứu viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên, nghiên cứu viên và trợ giảng tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực Tài chính.
16	Khả năng nâng cao trình độ	<p>Người học có khả năng tiếp tục tham gia nghiên cứu, học tập các chương trình đào tạo chuyên sâu đại học ngành Kinh tế, Tài chính Ngân hàng (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao tại Việt Nam hoặc các chương</p>

TT	Tiêu đề	Nội dung
		trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	Chương trình đào tạo ngân hàng và tài chính giảng dạy bằng tiếng anh của học viện ngân hàng, chương trình đầu tư tài chính giảng dạy bằng tiếng anh của trường kinh tế quốc dân
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ sở và bổ trợ về kinh tế, quản trị và quản lý; có kiến thức chuyên môn toàn diện về tài chính; có tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; có khả năng làm việc và thích ứng tốt với môi trường làm việc năng động trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, các định chế tài chính trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. (Kiến thức): Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực tiễn về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội; kinh tế, quản trị, quản lý và kiến thức chuyên ngành Tài chính để nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính.

PO2. (Kỹ năng): Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ để trở thành lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực tài chính nhằm giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

PO3. (Năng lực tự chủ và trách nhiệm): Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe tốt; có ý thức học tập, nâng cao năng

lực và trình độ theo tinh thần học tập suốt đời; có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân khi làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, chịu được áp lực trong công việc.

II. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC	
PLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội vào công việc chuyên môn	2
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành	3
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, quản trị và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản về Tài chính	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO3	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực tài chính	3
PI3.1	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin cơ bản (word, excel, powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	3
PI3.2	Vận dụng kiến thức một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực tài chính	3
PLO4	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành về tài chính trong việc tổng hợp, phân tích thông tin, hoạch định, ra quyết định tài chính của đơn vị	3
PI4.1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về tài chính trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin tài chính của đơn vị	3
PI4.2	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về tài chính trong việc hoạch định, ra quyết định tài chính của đơn vị	3
PI4.3	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành về tài chính vào	3

	thực tiễn để xử lý công việc, giám sát và cải tiến công việc chuyên môn của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế	
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ KỸ NĂNG	
PLO5	Sử dụng các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc trong lĩnh vực tài chính	3
PI5.1	Thực hiện giao tiếp, thuyết trình và khả năng thuyết phục tốt	3
PI5.2	Ứng dụng ngoại ngữ để phục vụ công việc trong lĩnh vực tài chính	3
PLO6	Thành thạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để phục vụ công việc trong lĩnh vực tài chính	3
PI6.1	Thành thạo kỹ năng thu thập, tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin để đạt mục tiêu công việc chuyên môn	3
PI6.2	Thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, ra quyết định quản lý và quản trị liên quan đến lĩnh vực tài chính	3
PI6.3	Hình thành kỹ năng lãnh đạo và dẫn dắt những người khác để đạt được kết quả mong muốn	2
PLO7	Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân	2
PI7.1	Trình bày được các nội dung cơ bản, xây dựng được mục tiêu, định hướng và tổ chức thực hiện khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tạo việc làm và đánh giá kết quả công việc cho mình và cho người khác	2
PI7.2	Tư duy giải quyết hiệu quả các vấn đề bằng sự đổi mới, sáng tạo và tư duy phản biện trong lĩnh vực kinh tế - xã hội	2
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
PLO8	Tuân theo các quy định của pháp luật, xã hội, cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	2
PI8.1	Tuân theo các quy định pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng	2
PI8.2	Rèn luyện sức khỏe, hình thành ý thức tự giác học tập và nghiên cứu	2
PLO9	Bảo vệ được quan điểm cá nhân, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn; làm việc độc lập và chịu được áp lực trong công việc; thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc	3
PI9.1	Bảo vệ được quan điểm cá nhân và có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn	3
PI9.2	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3

PI9.3	Thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc và định hướng nghề nghiệp cho bản thân	3
-------	--	---

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra/PLO)	HP trải nghiệm
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		24		
1	Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Maxism - Leninism)	MLP131	3	PLO1	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Maxism - Leninism)	MLE121	2	PLO1	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	SSO121	2	PLO1	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	HCM121	2	PLO1	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Revolution Lines of Vietnam Communist Party)	VCP121	2	PLO1	
6	Kinh tế lượng (Econometrics)	ECO141	4	PLO1	
7	Kỹ năng chuyên môn (Academic skills)	SKI141	4	PLO6	
8	Tin học ứng dụng (Applied Informatics)	API131	3	PLO1, PLO5	
9	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết		
10	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết		
11	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết		
12	Giáo dục quốc phòng		5 tuần		
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		31		
13	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	MIC241	4	PLO2	
14	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	MAE241	4	PLO2	
15	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	BEN231	3	PLO1, PLO5	
16	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội (Business Ethics and Social Responsibility)	BES241	4	PLO2, PLO8	
17	Quản trị học (Management)	MAN241	4	PLO2	
18	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	FIN241	4	PLO2	
19	Marketing căn bản (Marketing Principles)	MAR241	4	PLO2	
20	Luật kinh doanh (Business Law)	BLA241	4	PLO2, PLO8	
21	Khởi nghiệp (Introduction to Entrepreneurship)	ENT241	4	PLO2, PLO7	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra/PLO)	HP trải nghiệm
2.2	Kiến thức ngành		28		
	<i>Bắt buộc</i>		24		
22	Tài chính công (Public Finance)	PFI241	4	PLO4, PLO6	
23	Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)	CFI241	4	PLO4, PLO6	
24	Tài chính quốc tế (International Finance)	IFI241	4	PLO4, PLO6	
25	Thuế (Introduction to Taxation)	TAX241	4	PLO4, PLO6	
26	Tiền tệ và Hoạt động ngân hàng (Money and Banking)	MAB241	4	PLO4, PLO6	
27	Thị trường chứng khoán (Introduction to Stock market)	SMA241	4	PLO4, PLO6	
	<i>Tự chọn/Sinh viên chọn 01 trong số 04 học phần tự chọn)</i>		4		
28	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Bank)	CBA241	4	PLO4, PLO6	
29	Kinh tế quốc tế (International Economics)	ECO241	4	PLO4, PLO6	
30	Kế toán quản trị (Managerial Accounting)	MAC241	4	PLO4, PLO6	
31	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	ABS241	4	PLO4, PLO6	
2.3	Kiến thức chuyên ngành		32		
	<i>Bắt buộc</i>		24		
36	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	COF341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
37	Quản trị rủi ro tài chính (Financial risk management)	FRM341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
38	Phân tích tài chính và ra quyết định (Financial Analysis and Decision-Making)	FAD341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
39	Công cụ phái sinh (Financial Derivatives)	FDE341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
40	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Mergers and acquisitions)	MAC341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
41	Thanh toán quốc tế (International payment)	IPA341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
	<i>Tự chọn/Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần tự chọn)</i>		8		
42	Thẩm định tài chính dự án (Financial evaluation of project)	FAP341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
43	Phân tích và đầu tư chứng khoán (Analysis and investment securities)	AIS341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra/PLO)	HP trải nghiệm
44	Thị trường và các định chế tài chính (Financial Market and-Institution)	FMI341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
45	Định giá tài sản (Valuation of assets)	VOA341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
46	Tài chính phát triển (Development Finance)	DFI341	4	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
47	Lập kế hoạch tài chính và Bảo hiểm (Financial Planning Process and Insurance)	FPI341	4	PLO2, PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	
2.4	Thực tập môn học (Practicum)	HFI421	2	PLO2/PI2.1,PI2.2,PI2.3 PLO4/PI4.2; PLO5/PI5.1 PLO8/PI8.1, PLO9 /PI9.2,PI9.3	
2.5	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	HFI441	4	PLO2/PI2.1, PI2.2,PI2.3 PLO4/PI4.1; PLO5/PI5.1 PLO8/PI8.1, PLO9/ PI9.2,PI9.3	
2.6	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	HFI904	6	PLO2/PI2.1, PI2.2,PI2.3 PLO4/PI4.1, PLO5/PI5.1 PLO8/PI8.1, PLO9/ PI9.2,PI9.3	
Tổng số tín chỉ			129		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	Học kì I			3			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	Bắt buộc	3	36	18	
2	Giáo dục thể chất I	PHE111	Bắt buộc	x			
3	Khóa học tiếng anh dự bị						
II	Học kì II			5			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	BEN231	Bắt buộc	3	36	18	
3	Giáo dục thể chất II	PHE112	Bắt buộc	x			
4	Khóa học tiếng anh dự bị		Bắt buộc	x			
III	Học kì III			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tin học ứng dụng (Applied Informatics)	API131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	MIC241	Bắt buộc	4	48	24	
4	Quản trị học (Management)	MAN241	Bắt buộc	4	48	24	
5	Marketing căn bản	MAR241	Bắt buộc	4	48	24	
6	Giáo dục thể chất III	PHE113	Bắt buộc	x			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x			
IV	Học kì IV			22			

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Kỹ năng chuyên môn (Academic skills)	SKI141	Bắt buộc	4	48	24	
3	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	MAE241	Bắt buộc	4	48	24	
4	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội (Business Ethics and Social Responsibility)	BES341	Bắt buộc	4	48	24	x
5	Luật kinh doanh (Business Law)	BLA241	Bắt buộc	4	48	24	
6	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	FIN241	Bắt buộc	4	48	24	
V	Học kì V			18			
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
3	Kinh tế lượng (Econometrics)	ECO141	Bắt buộc	4	48	24	
4	Khởi nghiệp (Introduction to Entrepreneurship)	ENT241	Bắt buộc	4	48	24	x
5	Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)	CFI341	Bắt buộc	4	48	24	
6	Thị trường chứng khoán (Introduction to Stock market)	SMA341	Bắt buộc	4	48	24	x
VI	Học kì VI			16			
1	Thuế (Introduction to Taxation)	TAX341	Bắt buộc	4	48	24	
2	Tiền tệ và Hoạt động ngân hàng (Money and Banking)	MAB341	Bắt buộc	4	48	24	
3	Phân tích tài chính và ra quyết định (Financial Analysis and Decision-Making)	FAD341	Bắt buộc	4	48	24	
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn				
VII	Học kì VII			18			
1	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	COF 341	Bắt buộc	4	48	24	
2	Quản trị rủi ro tài chính (Financial risk management)	FRM341	Bắt buộc	4	48	24	
3	Thanh toán quốc tế (International payment)	IPA341	Bắt buộc	4	48	24	x
4	Tài chính quốc tế (International Finance)	IFI341	Bắt buộc	4	48	24	
5	Thực tập môn học	HFI421	Bắt buộc	2			
VIII	Học kì VIII			20			
1	Tài chính công (Public Finance)	PFI341	Bắt buộc	4	48	24	
2	Công cụ phái sinh	FDE341	Bắt buộc	4	48	24	
3	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Mergers and acquisitions)	MAC341	Bắt buộc	4	48	24	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				
	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn				
IX	Học kì IX						
1	Thực tập tốt nghiệp	HFI441		4			
2	Khóa luận tốt nghiệp	HFI904		6			
	Tổng số tín chỉ			129			